CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sữa Hà Nội

Ngày 30/09/2025	8,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.3%	**-5.3%**	**-1.1%**

DT thuần
Q3/25
153
tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.0| -16.0%
YoY: ▼63.0| -29.2%

LN thuần
Q3/25
2.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.98| -63.6%
YoY: ▼7.92| -77.7%

LN sau thuế
Q3/25
1.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.39| -67.8%
YoY: ▼6.45| -80.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.0%
YoY: +/-▼ 3.2%

ROE (TTM)
Q3/25
4.4%
YoY: +/-▼ 1.3%

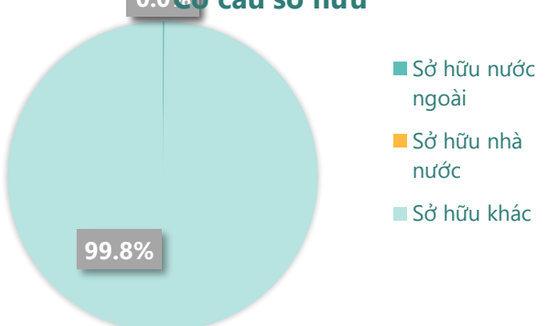
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,645 - 10,382
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	373
Số lượng CPLH (CP)	44,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	348,090
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.82
EPS	465
P/E	18.0

DT thuần
9T 2025
527
tỷ VNĐ

LN thuần
9T 2025
14.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.5| -42.0%

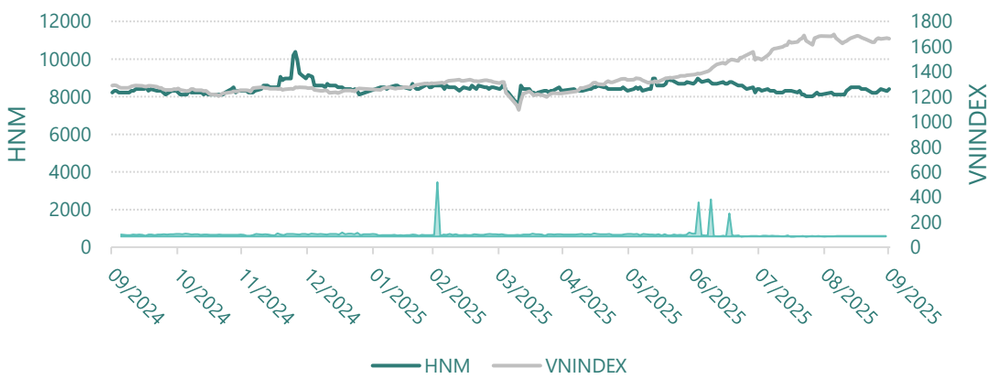
LN sau thuế
9T 2025
14.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.90| -37.8%

Cơ cấu sở hữu

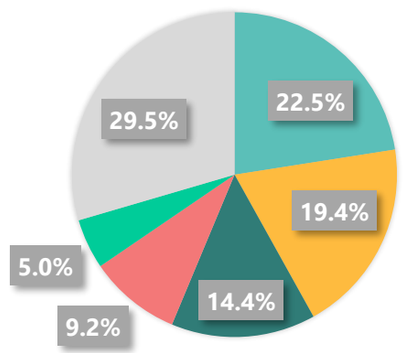


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



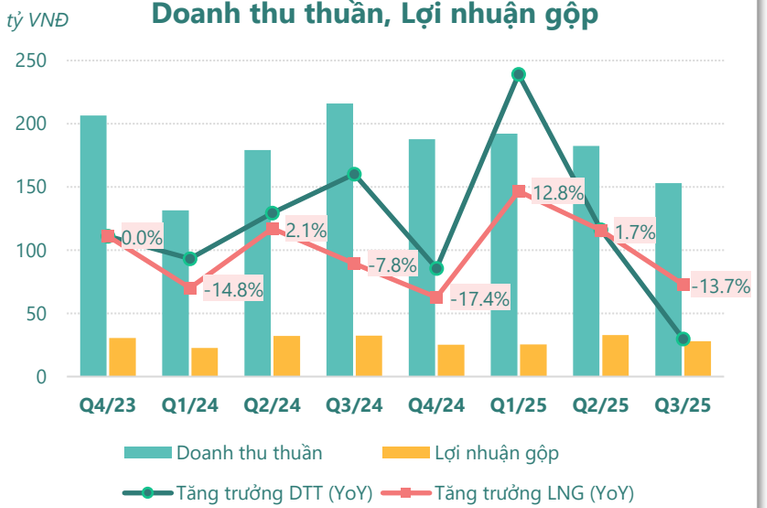
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

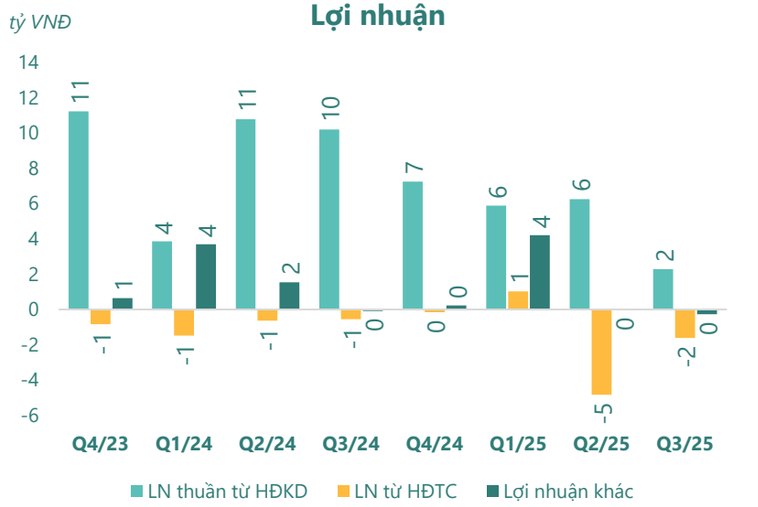
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



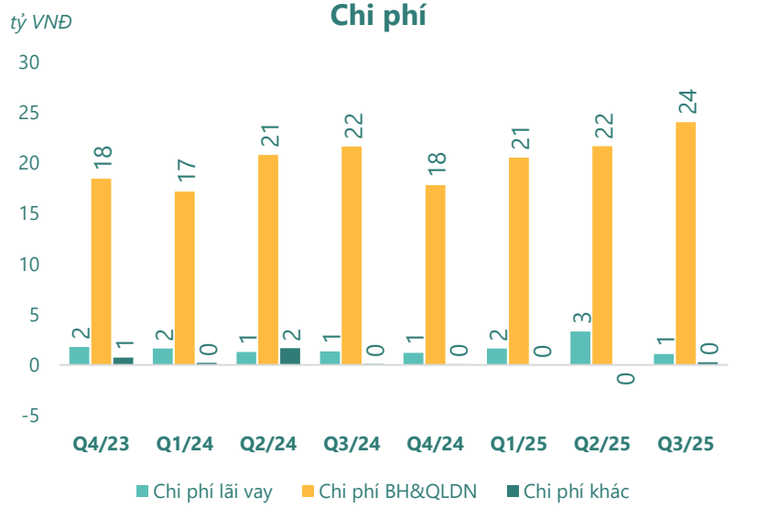
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



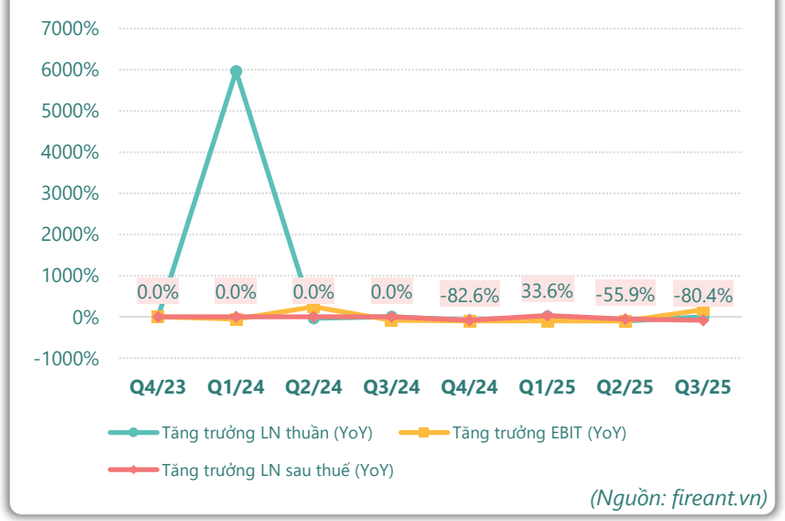
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



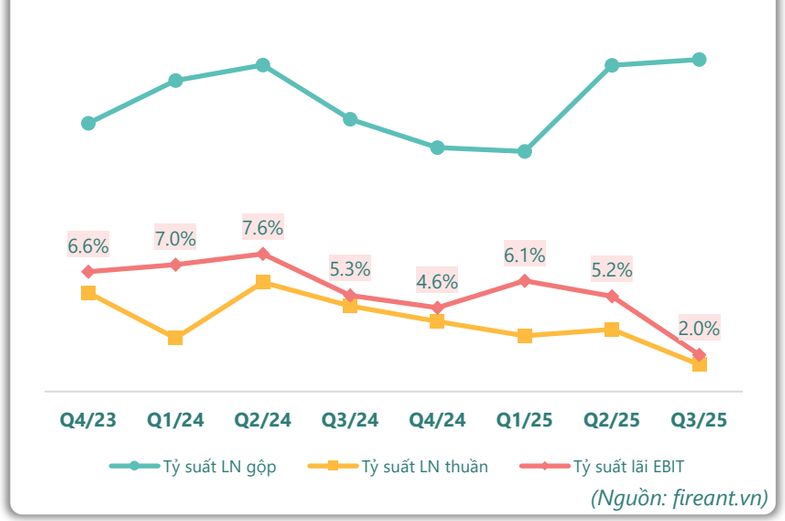
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



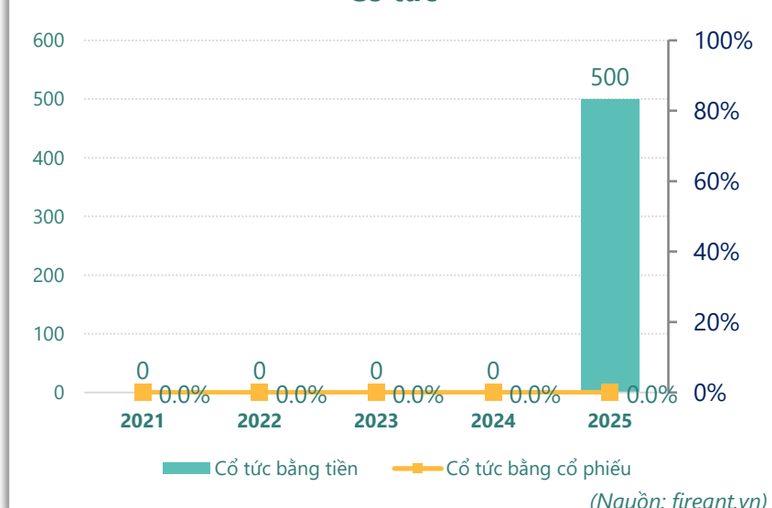
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

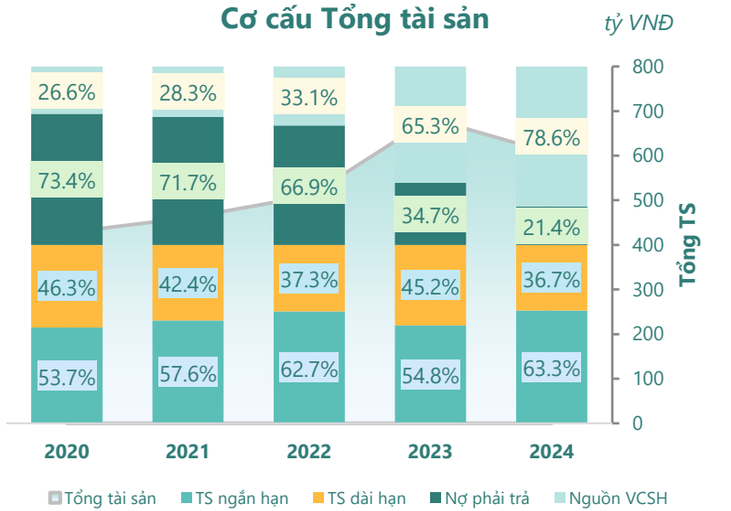
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

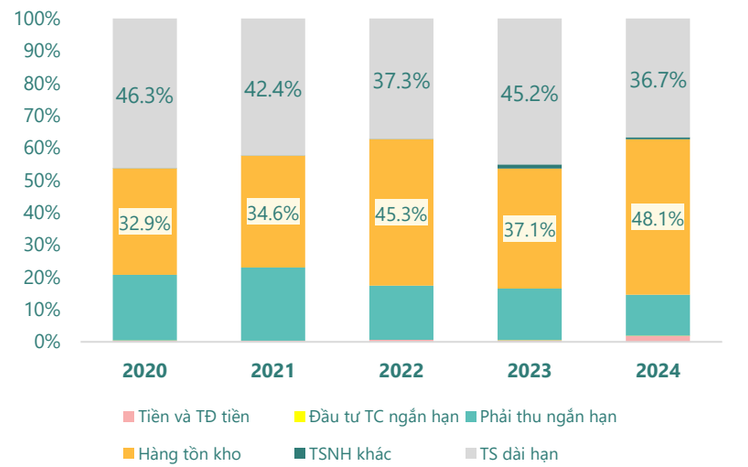
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



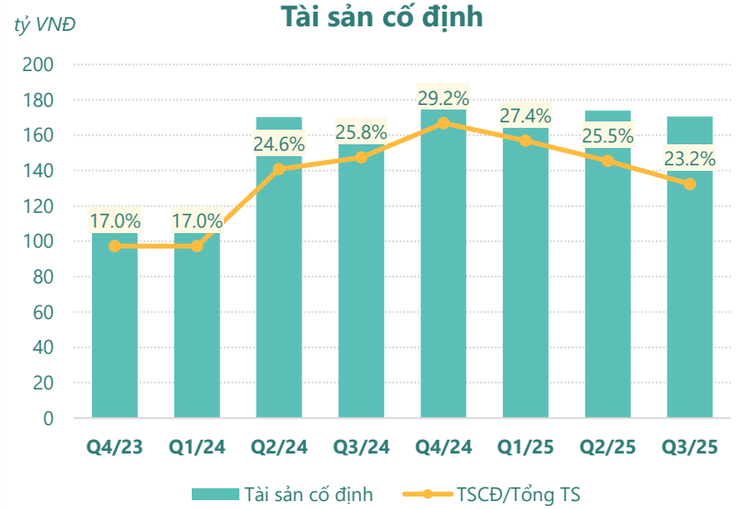
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



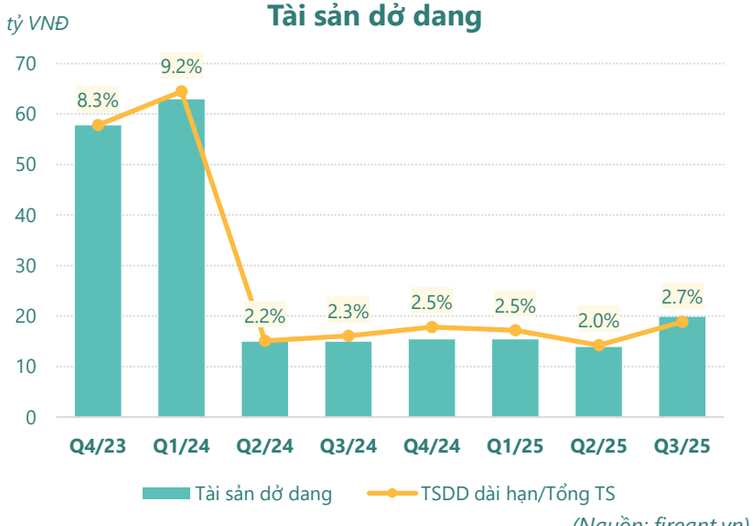
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



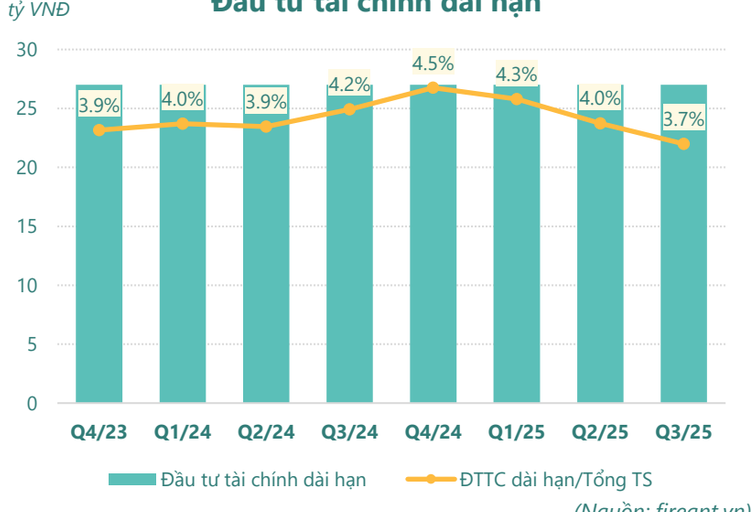
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



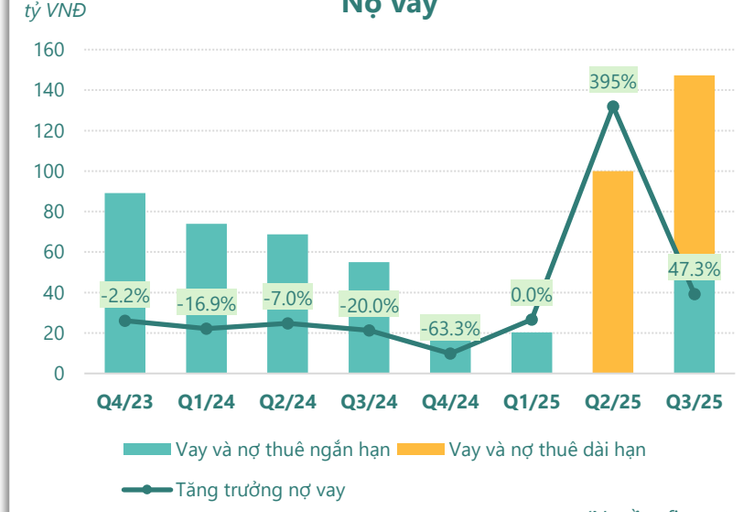
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

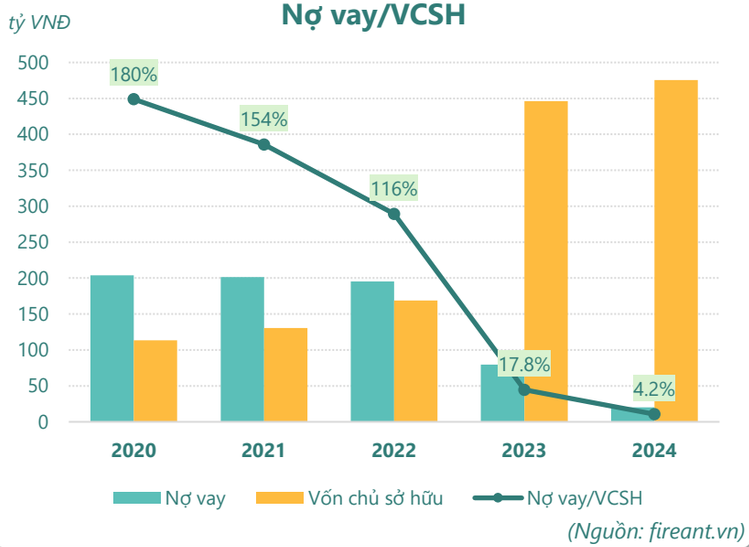
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

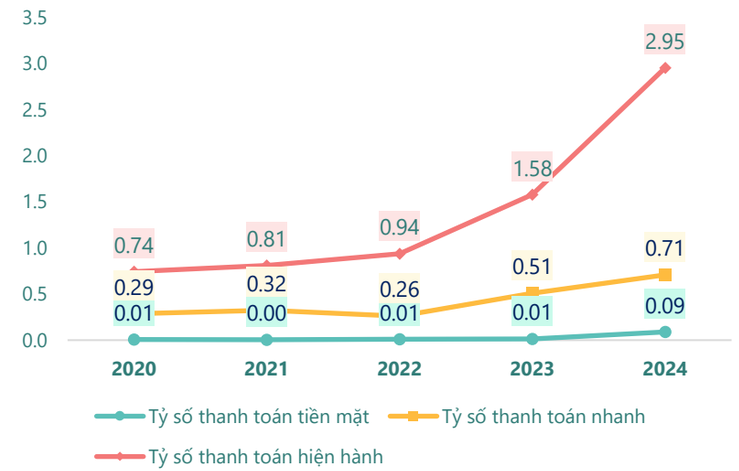
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



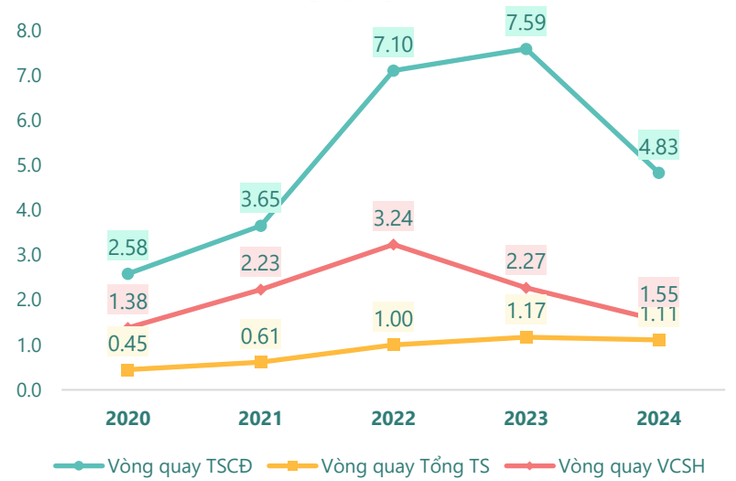
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



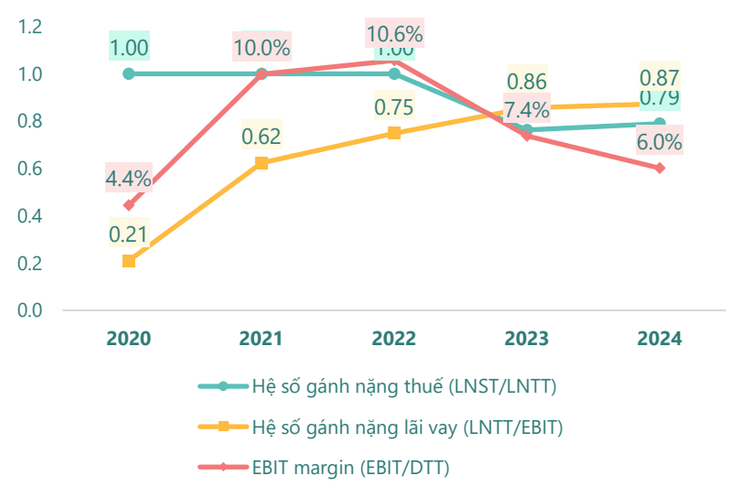
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



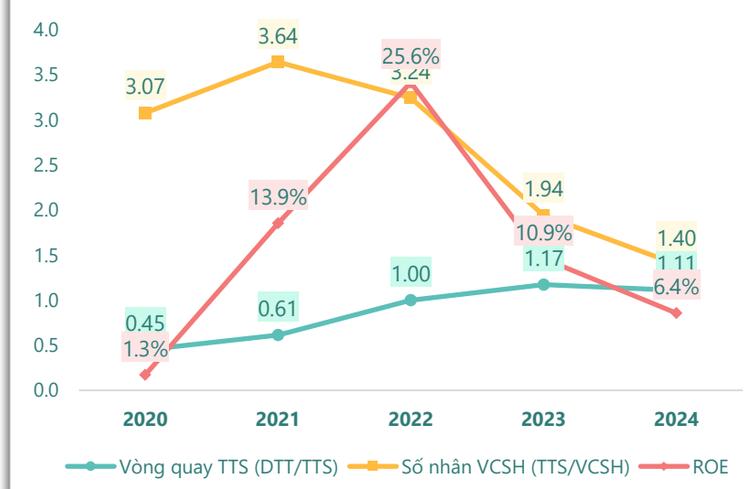
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



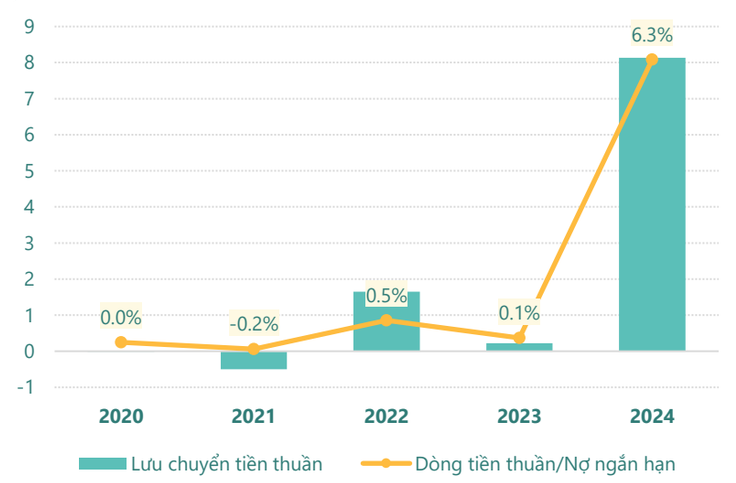
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**153**	**216**	**-29.2%**	**527**	**527**	**0.1%**
Giá vốn hàng bán	125	184	-32.1%	441	440	0.4%
Lợi nhuận gộp	28.0	32.4	-13.6%	86.2	87.2	-1.2%
Doanh thu HĐTC	0.10	1.21	-92.0%	1.68	2.54	-34.0%
Chi phí TC	1.71	1.78	-4.0%	7.09	5.22	35.9%
Chi phí lãi vay	1.09	1.34	-18.9%	6.05	4.24	42.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	19.9	18.5	7.6%	54.9	50.5	8.8%
Chi phí QLDN	**4.18**	**3.15**	**32.8%**	**11.5**	**9.23**	**24.2%**
LN thuần từ HĐKD	2.28	10.2	-77.7%	14.4	24.9	-42.0%
Lợi nhuận khác	**-0.26**	**-0.09**	**-194%**	**3.93**	**5.14**	**-23.5%**
LN trước thuế	2.01	10.1	-80.1%	18.4	30.0	-38.8%
Lợi nhuận sau thuế	**1.61**	**8.06**	**-80.0%**	**14.7**	**23.6**	**-37.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.61**	**8.06**	**-80.0%**	**14.7**	**23.6**	**-37.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	56.9	-30.4	53.0	-1.24	-32.2	-23.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-55.2	47.7	-14.8	1.26	-6.98	-5.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.21	-13.8	-34.8	0	79.8	26.3
Tiền đầu kỳ	7.87	4.44	8.07	11.5	11.6	52.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.43**	**3.63**	**3.41**	**0.02**	**40.6**	**-2.45**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0.06	0	0.11	-0.09
Tiền cuối kỳ	4.44	8.07	11.5	11.6	52.3	49.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**737**	**605**	**21.7%**
Tài sản ngắn hạn	514	383	34.0%
Tiền và tương đương tiền	49.8	11.5	331%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.01	0.01	-2.5%
Phải thu ngắn hạn	166	76.6	117%
Hàng tồn kho	295	291	1.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.61	3.74	-30.1%
Tài sản dài hạn	**223**	**222**	**0.4%**
Phải thu dài hạn	3.52	0	
Tài sản cố định	171	177	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.8	15.4	28.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	27.0	27.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.21**	**3.06**	**-27.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	267	130	106%
Nợ ngắn hạn	**170**	**130**	**31.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.0	20.2	147%
Phải trả người bán ngắn hạn	87.1	43.1	102%
Nợ dài hạn	97.3	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	97.3	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**469**	**476**	**-1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**469**	**476**	**-1.3%**
Vốn điều lệ	444	444	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)